

KẾ HOẠCH

**thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về
đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026**

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Chương trình công tác số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về chương trình công tác năm 2026; Thông báo kết luận số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về Thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026; Thông báo kết luận số 20-TB/CQTTBCĐ ngày 16/3/2026 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về Thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Phiên họp lần thứ nhất năm 2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo; trên cơ sở tham mưu của Ban Chỉ đạo tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW nhằm bảo đảm toàn đảng bộ và hệ thống chính trị ở địa phương nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, lực lượng sản xuất mới và là động lực chính để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh.

- Triển khai thực hiện Chương trình công tác số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/2/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương, Thông báo kết luận số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025 và Thông báo kết luận số 20-TB/CQTTBCĐ ngày 16/3/2026 đảm bảo hiệu quả, thực chất, đóng góp vào mục tiêu phấn đấu tăng trưởng kinh tế hai con số, duy trì, nâng cao các chỉ số xếp hạng của tỉnh năm 2026; cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Tạo bước chuyển mạnh mẽ về nhận thức, thể chế, hạ tầng số, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, từng bước xây dựng chính quyền

số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo... phù hợp với thực tiễn của tỉnh.

2. Yêu cầu

Các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phải thể hiện được năm 2026 là năm trọng tâm để tăng tốc triển khai thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, tập trung vào các nhiệm vụ có tác động trực tiếp đến tăng trưởng, năng suất lao động, hiệu quả quản trị, đảm bảo các yêu cầu: Đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST, CDS) trở thành động lực chính, đóng góp thực chất vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số; tạo chuyển biến mạnh mẽ về chuyển đổi số liên thông, đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị và các ngành, lĩnh vực trọng điểm; thúc đẩy phát triển KHCN và ĐMST theo chuỗi giá trị, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - thị trường; lấy kết quả đầu ra và tác động làm thước đo chủ yếu; xác định doanh nghiệp là trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; dữ liệu là một trong các nguồn lực chiến lược; tập trung và ưu tiên cao nhất mọi nguồn lực cho công nghệ chiến lược nhằm nâng cao năng lực tự chủ công nghệ; huy động mạnh mẽ nguồn lực xã hội cho phát triển KHCN, ĐMST, CDS bảo đảm tính công khai, minh bạch, hiệu quả thiết thực và phù hợp quy định pháp luật.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, các chỉ đạo của Trung ương và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và những năm tiếp theo; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số TFP trong tăng trưởng GRDP của tỉnh.

- Đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, từng bước ứng dụng dữ liệu số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành; minh bạch hóa hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế.

- Thực hiện nghiêm túc chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; rà soát, loại bỏ các dự án, phần mềm, ứng dụng kém hiệu quả, trùng lặp; tận dụng tối

đa hạ tầng, dữ liệu dùng chung quốc gia và của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đóng góp cho tăng trưởng

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt 12%
- Tỷ trọng đóng góp của KHCN, ĐMST, CDS trong GRDP đạt 12,5%
- Tỷ trọng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế 41%.

2.2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn kỹ thuật

- Hoàn thành việc rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm đã ban hành liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xác định đầy đủ danh mục các văn bản cần xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới; kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Đẩy mạnh hiện đại hóa phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trên cơ sở dữ liệu; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, trợ lý ảo và các công nghệ hỗ trợ ra quyết định; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật.

2.3. Về chuyển đổi số

Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0,71$.

a) Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị

- Về hạ tầng số, nền tảng số và dữ liệu dùng chung

- + Mở rộng phủ sóng 5G đạt $\geq 70\%$ dân số.
- + Có $\geq 70\%$ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps.
- + 100% cán bộ cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.
- + 100% hồ sơ, công việc tại cấp tỉnh và cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc.
- + 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lỗi) trong 4 khối cơ quan của hệ thống chính trị được tái cấu trúc, chuẩn hóa, số hóa và được đưa lên môi trường số.
- Triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực đảm bảo dữ liệu “đúng, đủ, sạch,

sống, thống nhất, dùng chung”.

- Về thủ tục hành chính (TTHC) và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT):

+ Tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT toàn trình trên tổng số TTHC đặc thù của tỉnh đạt tối thiểu 80%.

+ Tối thiểu 80% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước.

+ 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

+ Chỉ duy trì các TTHC và DVCTT thực sự cần thiết. Không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết TTHC đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, chuyên ngành.

b. Kinh tế số:

- Có $\geq 40\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương; ít nhất 20-30% các HTX trên địa bàn tỉnh ứng dụng công nghệ số.

- Thu hút doanh nghiệp công nghệ vệ tinh tham gia vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn công nghệ lớn trong nước.

- Chuyển đổi số thực chất các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh; ưu tiên các chuỗi giá trị có quy mô lớn và khả năng lan tỏa cao.

c. Xã hội số:

- Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID $\geq 90\%$; tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 10\%$.

- Chuyển đổi số thực chất các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến an sinh và phúc lợi của người dân như: y tế, giáo dục, văn hóa, lao động, việc làm, an sinh xã hội, thực phẩm và môi trường.

- Nâng cao kỹ năng số và văn hóa ĐMST; lan tỏa nhận thức về KHCN, ĐMST, CDS, tạo sự đồng thuận xã hội và chuyển đổi hành vi số của người dân, doanh nghiệp.

2.4. Về phát triển nguồn lực

- Có $\geq 1,1\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% tổng chi ngân sách.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cơ

bản.

- 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 10 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

2.5. Về phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 15 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Có ≥ 07 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Có ≥ 05 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Có ≥ 350 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có ≥ 08 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có $\geq 45\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Có ≥ 02 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có $\geq 12\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Có ≥ 05 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh được đăng trên hệ thống Scopus/ISI.

- Có ≥ 01 công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực.

- Sử dụng một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

2.6. Về phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 03 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Có ≥ 01 vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Có $\geq 04\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh; khuyến khích sự tham gia của các hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp, hợp tác xã và các nhóm yếu thế trong tiếp cận khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 10 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Có ≥ 10 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Có ≥ 10 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 5\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.
- Có ≥ 40 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

2.7. Về theo dõi, giám sát và đánh giá:

100% nhiệm vụ được theo dõi, giám sát, đánh giá trên hệ thống theodoinq.dcs.vn. Thông tin, số liệu được cập nhật kịp thời, khách quan, có đối chiếu, kiểm chứng, nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy

1.1. Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền và cụ thể hóa Nghị quyết 57-NQ/TW

Quán triệt theo chuyên đề, theo nhóm đối tượng (cán bộ chủ chốt; cán bộ chuyên môn; doanh nghiệp/người dân) để nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo khí thế mới trong toàn xã hội; biên soạn tài liệu tóm tắt, cầm nang triển khai; 100% cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành kế hoạch triển khai sau quán triệt, trong đó xác định nhiệm vụ trọng tâm, chỉ tiêu và sản phẩm đầu ra năm 2026; duy trì truyền thông định kỳ về kết quả thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW và cách làm sáng tạo, mô hình tiêu biểu.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; các đảng ủy xã, phường, đặc khu.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

1.2. Thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được giao, thường xuyên cập nhật, báo cáo kết quả thực hiện trên Hệ thống theo dõi nghị quyết (<https://theodoinq.dcs.vn>); kịp thời tiếp nhận, phản hồi ý kiến của tổ chức, cá nhân để đo lường mức độ hài lòng đối với cơ chế, chính sách, giải pháp thông qua Hệ thống phản ánh kiến nghị (<https://pakn.nq57.vn>) và các kênh có liên quan.

- *Cơ quan chủ trì:* Các cơ quan, đơn vị, địa phương

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

1.3. Đẩy mạnh triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” gắn sử dụng dịch vụ số thiết yếu

Tổ chức phổ cập kỹ năng số gắn nhu cầu thực tế (dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, thương mại điện tử, ứng dụng AI, kỹ năng tương tác an toàn trên môi trường số...); phát huy vai trò của tổ công nghệ số cộng đồng.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; các đảng ủy xã, phường, đặc khu.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

1.4. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan đảng, chính quyền đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong đời sống xã hội và trong hoạt động của hệ thống chính trị.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số; lồng ghép nội dung chuyển đổi số vào các phong trào thi đua, các cuộc vận động, các chương trình hành động của Mặt trận và các tổ chức chính trị – xã hội; phát huy vai trò nòng cốt của đoàn viên, hội viên trong việc sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng số phục vụ đời sống và công tác.

- Chủ động tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với việc triển khai các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan, tổ chức; kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng, khó khăn, vướng mắc của Nhân dân trong quá trình tiếp cận, sử dụng các dịch vụ, nền tảng số; góp phần tạo sự đồng thuận xã hội và nâng cao hiệu quả triển khai phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- *Cơ quan chủ trì:* Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách

2.1. Gắn trách nhiệm người đứng đầu và cơ quan, đơn vị, địa phương

Rà soát, bổ sung hoặc ban hành tiêu chí đánh giá người đứng đầu và cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đưa tiêu chí vào đánh giá, xếp loại cuối năm và thi đua, khen thưởng. Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban

nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Quý I/2026.

2.2. Rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống cơ chế, chính sách của tỉnh

Rà soát toàn diện các văn bản liên quan khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xác định điểm nghẽn về đầu tư, tài chính, mua sắm, thuê dịch vụ, chia sẻ dữ liệu, an toàn thông tin; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật cho chuyển đổi số và phát triển KHCN, ĐMST, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, lập danh mục văn bản cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới; xây dựng dự thảo văn bản trình cấp có thẩm quyền ban hành trong năm 2026.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Quý I, II/2026.

2.3. Xây dựng, triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số tỉnh; chiến lược tổng thể phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển; chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Quý III/2026.

2.4. Ban hành chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số

Xác định nhu cầu nhân lực trọng điểm; xây dựng cơ chế thu hút chuyên gia lĩnh vực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; chuyên gia tư vấn theo bài toán; cơ chế đãi ngộ linh hoạt, đánh giá theo kết quả; hình thành mạng lưới chuyên gia đồng hành với tỉnh giai đoạn 2026 – 2030; ban hành chính sách hỗ trợ tổ công nghệ số cộng đồng ở cơ sở.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Quý III/2026.

2.5. Quản trị dữ liệu và chia sẻ dữ liệu dùng chung

Ban hành danh mục dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu mở, làm cơ sở kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu; quy định danh mục dữ liệu dùng chung phân công chủ quản dữ liệu; quy định chuẩn dữ liệu, quy trình cập nhật, chia sẻ, khai thác; phân quyền truy cập, lưu vết, trách nhiệm giải trình; kiểm tra việc tuân thủ.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Quý II/2026.

2.6. Đổi mới cơ chế tổ chức nhiệm vụ khoa học, công nghệ theo hướng “đặt hàng bài toán - theo đầu ra”

Ban hành quy trình đặt hàng theo bài toán; quy định bắt buộc có đơn vị tiếp nhận và kế hoạch ứng dụng; khoán theo kết quả; theo dõi sau nghiệm thu 06 đến 12 tháng; ưu tiên nhiệm vụ có doanh nghiệp đồng hành, có khả năng nhân rộng và thương mại hóa.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Quý I, II/2026.

2.7. Hình thành Quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo; ương tạo công nghệ và chuyển đổi số; Quỹ đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Quý II/2026.

3. Phát triển hạ tầng số

3.1. Bảo đảm hạ tầng số cho các cơ quan trong hệ thống chính trị

Chuẩn hóa, nâng cấp đường truyền, hệ thống mạng LAN, Wifi; trang bị máy tính, chữ ký số cá nhân, bảo đảm điều kiện họp trực tuyến và xử lý hồ sơ điện tử ổn định để cán bộ, công chức tương tác trên môi trường số an toàn.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy.
- *Hoàn thành trong:* Quý II/2026.

3.2. Phát triển hạ tầng Trung tâm dữ liệu dùng chung

Tiếp tục rà soát, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng các Trung tâm dữ liệu dùng chung để bảo đảm vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của các cơ quan trong hệ thống chính trị được thông suốt, bảo đảm an toàn thông tin. Hình thành kho dữ liệu dùng chung.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

3.3. Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, 5G; xóa điểm lờm sóng

Lập bản đồ vùng phủ sóng; ưu tiên triển khai hạ tầng viễn thông băng rộng, 5G tại Khu kinh tế Dung Quất, khu công nghiệp, cửa khẩu, cảng, đô thị, điểm du lịch; thử nghiệm internet vệ tinh tại vùng sâu, vùng xa, hải đảo bảo đảm hạ tầng số thông suốt; triển khai giải pháp xóa điểm lờm sóng trong tỉnh; theo dõi chất lượng

dịch vụ; báo cáo định kỳ kết quả phủ sóng và chất lượng.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Quý II/2026.

3.4. Nghiên cứu thí điểm hạ tầng số cho đô thị thông minh

Nghiên cứu, lựa chọn một số đô thị, xã, phường, đặc khu làm điểm; triển khai hạ tầng phục vụ phản ánh hiện trường, môi trường, giao thông, an ninh trật tự..., đánh giá hiệu quả và xây dựng kế hoạch nhân rộng.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Quý II/2026.

3.5. Bố trí trụ sở, trang thiết bị đầu cuối, hạ tầng mạng, phân công lãnh đạo, nhân lực; bố trí đủ nhân sự cho việc giải quyết TTHC ở cấp xã.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Quý I/2026.

4. Ứng dụng, dữ liệu số

4.1. Phát triển, chuẩn hóa và khai thác hiệu quả các nền tảng ứng dụng số dùng chung của tỉnh

Rà soát toàn bộ các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng hiện có trong các cơ quan Đảng, Nhà nước; thực hiện chuẩn hóa, hợp nhất hoặc thay thế các hệ thống trùng lặp, kém hiệu quả; ưu tiên phát triển và sử dụng các nền tảng dùng chung toàn quốc, cấp tỉnh phục vụ quản lý điều hành, cung cấp dịch vụ công và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Bảo đảm các ứng dụng được thiết kế theo hướng lấy người dùng làm trung tâm, dễ sử dụng, dễ mở rộng và tích hợp.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Quý II, III, IV/2026.

4.2. Xây dựng và vận hành kho dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở của tỉnh

Tổ chức thu thập, chuẩn hóa và tích hợp các bộ dữ liệu quan trọng của tỉnh (dân cư, doanh nghiệp, đất đai, đầu tư, an sinh xã hội, y tế, giáo dục... theo thẩm quyền); hình thành kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh; tiếp tục rà soát, công bố dữ liệu mở theo quy định, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội và đổi mới sáng tạo; bảo đảm cập nhật thường xuyên, có phân quyền khai thác rõ ràng.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

4.3. Chuẩn hóa công tác quản trị dữ liệu, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”

Ban hành và triển khai quy chế quản trị dữ liệu của tỉnh; phân công rõ trách nhiệm chủ quản dữ liệu tại từng sở, ngành, địa phương; quy định quy trình tạo lập, cập nhật, chia sẻ, khai thác và kiểm soát chất lượng dữ liệu; tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ chất lượng dữ liệu; từng bước hình thành văn hóa làm việc dựa trên dữ liệu trong các cơ quan nhà nước.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

4.4. Ứng dụng dữ liệu số thông qua Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và giám sát

Xây dựng, hoàn thiện và vận hành Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) của tỉnh làm hạt nhân tích hợp, khai thác và phân tích dữ liệu số theo thời gian thực phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cấp chính quyền.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Quý III, IV/2026.

4.5. Ứng dụng dữ liệu số để nâng cao chất lượng dịch vụ công và phục vụ người dân, doanh nghiệp

Khai thác dữ liệu đã số hóa để tái sử dụng trong giải quyết thủ tục hành chính; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp phải cung cấp lại thông tin; cá nhân hóa dịch vụ công; nâng cao mức độ tự động hóa trong tiếp nhận, xử lý và trả kết quả; đo lường mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp dựa trên dữ liệu thực tế.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

4.6. Thí điểm ứng dụng các công nghệ AI, Big Data... đối với một số bài toán cụ thể

Lựa chọn một số bài toán có tác động lớn như: giám sát môi trường tại khu công nghiệp, quản lý đô thị, dự báo thiên tai, phân tích xu hướng giải quyết thủ tục hành chính, hỗ trợ ra quyết định trong quản lý ngành, lĩnh vực... tổ chức thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn và đánh giá hiệu quả trước khi nhân rộng.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Quý III, IV/2026.

4.7. *Đẩy mạnh tích hợp, chia sẻ dữ liệu*

Nâng cấp và khai thác hiệu quả nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh; xây dựng danh mục dữ liệu và dịch vụ dữ liệu (API) dùng chung; kết nối, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị địa phương, giữa tỉnh với Trung ương theo quy định; ưu tiên chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và điều hành, chỉ đạo.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

4.8. Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ cung cấp thông tin một lần; tổ chức kiểm tra, giám sát trên môi trường số.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

5. Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị

5.1. Đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở lên môi trường số. Chuẩn hóa quy trình, xử lý văn bản toàn trình, hồ sơ công việc trên môi trường số; 100% các đơn vị gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có kí số; giảm văn bản giấy; bảo đảm liên thông, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; đo lường tỷ lệ xử lý điện tử; kiểm tra, chấn chỉnh, bảo đảm kỷ luật hành chính trong môi trường số.

- *Cơ quan chủ trì:* Các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

5.2. *Tái cấu trúc quy trình, thủ tục hành chính*

Ưu tiên chọn nhóm thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ lớn để tái cấu trúc; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết; tăng thanh toán số; không yêu cầu nộp lại giấy tờ; nâng mức hài lòng người dân, doanh nghiệp.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

5.3. *Ứng dụng chứng thực bản sao điện tử*

Rà soát, tái cấu trúc quy trình, nghiệp vụ trên môi trường số; ứng dụng chứng thực bản sao điện tử trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là trong công tác cán bộ bảo đảm quy định theo Luật Giao dịch điện tử.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và các đảng ủy xã, phường, đặc khu.

- *Thời gian thực hiện:* Quý I/2026.

5.4. Ứng dụng các nền tảng số dùng chung

Triển khai đồng bộ các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung do các bộ, ban, ngành Trung ương triển khai: Hệ thống báo cáo, Hệ thống theo dõi thực hiện nghị quyết, Hệ thống tiếp nhận phản ánh kiến nghị, Sổ tay đảng viên điện tử, Thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường mạng...

- *Cơ quan chủ trì:* Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

5.5. Số hóa và khai thác dữ liệu số

Tiếp tục đẩy mạnh chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ và đưa vào khai thác trên môi trường số, số hóa đầy đủ hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Hoàn thành số hóa 100% tài liệu lưu trữ trong 3 năm gần đây; số hóa 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lỗi) của các cơ quan, đơn vị để đưa lên môi trường số.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

5.6. Triển khai chính quyền số

Khẩn trương triển khai thực chất, có hiệu quả Chương trình Chính phủ số (*tại Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ*) và thực hiện chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, góp phần tăng trưởng ở mức 2 con số, có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

5.7. Đẩy mạnh xử lý, gửi/nhận văn bản Mật, Tối Mật qua hệ thống Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước có tích hợp giải pháp bảo mật ngành Cơ yếu (Mạng mật) trong toàn tỉnh.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên

6. Chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên

6.1. Quản trị số và giám sát thông minh

Nghiên cứu số hóa quản lý hạ tầng Khu Kinh tế Dung Quất, khu công nghiệp, cấp phép, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; giám sát môi trường, an ninh; nền tảng quản trị dùng chung; kết nối dữ liệu phục vụ điều hành và thu hút đầu tư; lựa chọn mô

hình thí điểm để nhân rộng.

6.2. Tài nguyên, môi trường

Chuẩn hóa dữ liệu đất đai theo lộ trình; kết nối dịch vụ công; tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến; giảm yêu cầu giấy tờ; khai thác dữ liệu phục vụ quy hoạch, đầu tư, quản lý tài nguyên.

6.3. Quan trắc thông minh và cảnh báo sớm

Hoàn thiện hệ thống quan trắc; tích hợp dữ liệu; cảnh báo sớm; phục vụ quản lý nhà nước và minh bạch theo quy định; ưu tiên Khu Kinh tế Dung Quất, khu công nghiệp và điểm nóng môi trường.

6.4. Nông nghiệp, thủy sản

Rà soát, chuẩn hóa mã vùng trồng/vùng nuôi; truy xuất nguồn gốc; gắn tiêu chuẩn chất lượng; hỗ trợ kênh tiêu thụ số, thương mại điện tử, thanh toán số.

6.5. Thương mại điện tử, số hóa điểm đến, thanh toán số

Phát triển gian hàng số cho sản phẩm địa phương/OCOP; hỗ trợ hộ kinh doanh đưa các sản phẩm lên sàn thương mại điện tử; số hóa điểm đến (bản đồ số, thông tin số, phản hồi du khách); thúc đẩy thanh toán số; kết nối truyền thông số.

6.6. Y tế, giáo dục, an sinh xã hội

Đẩy mạnh triển khai giải pháp đặt lịch, thanh toán số, chuẩn hóa dữ liệu phục vụ hồ sơ sức khỏe; quản trị trường học số, học liệu số; số hóa quản lý đối tượng, thúc đẩy chi trả không tiền mặt, liên thông, giảm trùng lặp dữ liệu.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

7. Công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng

7.1. Tăng cường giám sát, cảnh báo sớm và bảo đảm an ninh mạng cho các hệ thống trọng yếu

Tiếp tục duy trì vận hành Hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) để thực hiện giám sát 24/7, kịp thời cảnh báo sớm; kết nối với các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh; rà soát, thực hiện nghiêm quy trình tiếp nhận, phân loại, xử lý sự cố và thực hiện chia sẻ dữ liệu, báo cáo định kỳ theo quy định. Chủ động triển khai đầy đủ giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ ngay từ khâu thiết kế, đầu tư, vận hành; ưu tiên các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ thủ tục hành chính và hệ thống dữ liệu lõi.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Các cơ quan chủ quản hệ thống thông tin.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

7.2. Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ

Phân loại, xác định cấp độ; phê duyệt hồ sơ; triển khai biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt; kiểm tra tuân thủ và khắc phục tồn tại; xây dựng chính sách sao lưu dữ liệu.

- *Cơ quan chủ trì:* Các cơ quan chủ quản hệ thống thông tin.
- *Thời gian thực hiện:* Hoàn thành phê duyệt cấp độ An toàn thông tin trong Quý II/2026 và duy trì thực hiện thường xuyên.

7.3. Triển khai Hệ thống phòng chống mã độc tập trung

Rà soát, mở rộng phạm vi triển khai Hệ thống phòng chống mã độc tập trung toàn tỉnh để 100% máy tính của cán bộ, công chức được tăng cường bảo đảm an toàn khi tương tác trên môi trường số.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; Văn phòng Tỉnh ủy.
- *Thời gian thực hiện:* Quý I/2026.

7.4. Diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin cấp tỉnh và tăng cường phối hợp các lực lượng

Xây dựng kịch bản tấn công mã hóa, rò rỉ dữ liệu...; diễn tập phối hợp; rút kinh nghiệm và cập nhật quy trình; nâng cao năng lực ứng cứu thực chiến.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Quý IV/2026.

8. Hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

8.1. Nghiên cứu, ban hành danh mục “bài toán lớn” cấp tỉnh và đặt hàng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo đầu ra

Lựa chọn tối thiểu 03 bài toán gắn với điều kiện thực tiễn, thế mạnh và dư địa tăng trưởng của địa phương (môi trường, nông nghiệp, du lịch...), tổ chức đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Quý I/2026.

8.2. Mỗi địa phương lựa chọn tối thiểu 01 bài toán cấp xã để triển khai

Chọn bài toán sát dân, sát sản xuất; đặt hàng nhiệm vụ ứng dụng; triển khai theo mô hình thí điểm để đánh giá hiệu quả và nhân rộng.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy xã, phường, đặc khu.
- *Thời gian thực hiện:* Quý I/2026.

8.3. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng năng suất, chất lượng

Tư vấn cải tiến quy trình; hỗ trợ thử nghiệm công nghệ; áp dụng tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; ưu tiên doanh nghiệp công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ, nông sản chủ lực.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

8.4. Hình thành đầu mối, không gian đổi mới sáng tạo và chương trình ươm tạo khởi nghiệp

Thành lập hoặc kiện toàn đầu mối điều phối đổi mới sáng tạo cấp tỉnh; ban hành danh mục nhu cầu công nghệ của địa phương; Xây dựng mô hình không gian đổi mới sáng tạo, chương trình ươm tạo, cuộc thi ý tưởng, hỗ trợ pháp lý - sở hữu trí tuệ cho startup; liên kết giữa nhà nước – doanh nghiệp - viện, trường; tổ chức diễn đàn kết nối cung - cầu công nghệ; thúc đẩy hợp đồng chuyển giao; ưu tiên nhiệm vụ có doanh nghiệp đồng hành; hỗ trợ thương mại hóa theo chuỗi giá trị.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Quý III, IV/2026.

8.5. Phát triển tài sản trí tuệ và truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm chủ lực

Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; xây dựng hệ thống truy xuất; gắn tiêu chuẩn chất lượng và thị trường; nâng giá trị sản phẩm địa phương.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

8.6. Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp

Nâng cao nhận thức và năng lực chuyển đổi số cho doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá mức độ sẵn sàng và xây dựng lộ trình chuyển đổi số; thúc đẩy ứng dụng các nền tảng, giải pháp số trong quản trị và sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số gắn với đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng; thúc đẩy chuyển đổi số trong chuỗi cung ứng, logistics và kết nối thị trường; hình thành và phát triển hệ sinh thái hỗ trợ chuyển đổi số doanh nghiệp; theo dõi, đánh giá và nhân rộng mô hình doanh nghiệp chuyển đổi số hiệu quả.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

8.7. Thí điểm mua sắm công sản phẩm, giải pháp KHCN và ĐMST

Tổ chức thí điểm tối thiểu 03 gói mua sắm công đối với sản phẩm/giải pháp từ kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST được ứng dụng trong khu vực công (*quản trị, dịch vụ công, y tế, giáo dục, đô thị thông minh, đường sắt đô thị...*)

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Quý III/2026.

8.8. Nghiên cứu xây dựng chương trình, kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược do trong nước phát triển; Tổ chức đánh giá trình độ công nghệ đối với doanh nghiệp/cụm ngành chủ lực của địa phương

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Quý II, III/2026.

8.9. Đánh giá năng lực nghiên cứu trong các cơ sở giáo dục đại học

Giao các cơ sở giáo dục đại học xem xét, rà soát quy định để đánh giá năng lực nghiên cứu sinh và giảng viên dựa trên số lượng bằng sáng chế được doanh nghiệp thương mại hóa thực tế; chia sẻ các phòng thí nghiệm để tạo điều kiện cho các sinh viên, doanh nghiệp công nghệ nhỏ và vừa sử dụng chung.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

9. Về phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường bồi dưỡng “lãnh đạo số” cho cán bộ chủ chốt và người đứng đầu; tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số, kỹ năng xử lý nghiệp vụ hành chính, tư duy sáng tạo và văn hóa công chức mới cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là tại cấp xã; đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu lực lượng nòng cốt về dữ liệu, an toàn thông tin; thu hút, trọng dụng chuyên gia khoa học, công nghệ, chuyên đổi số theo dự án, bài toán; gắn đào tạo nghề và kỹ năng số với nhu cầu doanh nghiệp; phát triển học liệu số và phổ cập kỹ năng số cho người dân. Duy trì, phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng, các nhà văn hóa thôn, bản là các điểm tiếp cận số tại địa phương; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ cập kiến thức và nâng cao kỹ năng số cho người dân. Bảo đảm nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo quy định của pháp luật; thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức KHCN, ĐMST, kỹ năng, công nghệ số cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động gắn với vị trí việc làm và đa ngôn ngữ (dân tộc thiểu số); củng cố mô hình vận hành và điều kiện bảo đảm hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa các cấp.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

10. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...), phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo; tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học - công nghệ cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược; tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp. Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ; chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác quốc tế, ký kết các thỏa thuận hợp tác, triển khai các dự án hợp tác cụ thể.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

11. Về tài chính, kinh phí cho KHCN, ĐMST và CDS

Chủ động rà soát, điều chỉnh/hoàn thiện đăng ký kinh phí và kế hoạch vốn đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và kế hoạch hoạt động trong năm 2026; triển khai thực chất và phân bổ, giải ngân kinh phí theo đúng tiến độ công việc, không để chậm trễ, ảnh hưởng đến mục tiêu, tiến độ chung của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- *Cơ quan chủ trì:* Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Người đứng đầu các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị của tỉnh cần phải nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và thể hiện bằng những sản phẩm cụ thể về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; gương mẫu đi đầu trong việc ứng dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung và ứng dụng dữ liệu số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và hỗ trợ ra quyết định. Đưa nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào chương trình, kế hoạch công tác năm của cơ quan, đơn vị, địa phương; tích cực đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để giải quyết các vấn đề thực tiễn tại cơ quan, địa phương.

2. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các đảng ủy trực

thuộc Tỉnh ủy; Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; đảng ủy các xã, phường, đặc khu căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao ban hành kế hoạch thực hiện sát với thực tiễn, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả, rõ nguồn lực, từ đó để làm cơ sở đề xuất kinh phí triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, tránh hình thức (*kế hoạch gửi về Văn phòng Tỉnh ủy - cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh trước ngày 15/4/2026 để tổng hợp, theo dõi việc thực hiện*).

3. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo

- Rà soát, tham mưu việc xây dựng và ban hành các nghị quyết chuyên đề của HĐND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các lĩnh vực theo quy định pháp luật, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, chỉ tiêu đã được xác định tại Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi và Kế hoạch này. Thực hiện giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh và các Ban của HĐND tỉnh đối với nội dung khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

- Lồng ghép các chỉ tiêu, nhiệm vụ về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quá trình thẩm tra, quyết định các nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán và phân bổ ngân sách nhà nước hằng năm và trung hạn; bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách, xác định rõ mục tiêu, nguồn lực, trách nhiệm thực hiện; thực hiện lộ trình tăng dần tỷ trọng chi cho lĩnh vực này.

4. Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, xây dựng các đề án, dự án triển khai về phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực...; phân kỳ thực hiện (theo năm, giai đoạn 5 năm), phân bổ ngân sách và huy động nguồn lực xã hội để bảo đảm triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết: Định kỳ 03 tháng, 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo và Thường trực Tỉnh ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

5. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này. Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

6. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Tham mưu, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thực hiện chuyển đổi số trong công tác tổ chức, xây dựng Đảng.

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy đưa việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của cấp ủy; tập trung kiểm tra đối với tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong năm 2026.

- Ban Nội chính Tỉnh ủy: Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quá trình triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy: Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, học tập, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết 57-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền theo hướng dễ hiểu, thiết thực, gắn với nhiệm vụ chính trị và yêu cầu phát triển của tỉnh; bảo đảm Nghị quyết được triển khai thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”. Định hướng công tác thông tin tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh.

- Văn phòng Tỉnh ủy – Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh: Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác; điều phối, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo đúng mục tiêu, tiến độ và yêu cầu đề ra; theo dõi, nắm bắt tình hình triển khai, kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với thực tiễn; chủ trì theo dõi, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch; tổng hợp báo cáo định kỳ (tháng, quý, 06 tháng, năm) và báo cáo chuyên đề; tham mưu tổ chức giao ban, họp chuyên đề để đánh giá tiến độ, kết quả và xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

7. Trường Chính trị tỉnh, Trường Đại học Phạm Văn Đồng

Bên cạnh việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, giảng dạy, hằng năm cần phải xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong thực hiện các nhiệm

vụ chuyên môn của trường và nhiệm vụ chính trị của tỉnh; xem đây là một trong những tiêu chí để đánh giá, xếp loại đối với tập thể lãnh đạo, viên chức, giảng viên của trường.

(Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 27-KH/TU ngày 09/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),
- Các đ/c Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các cơ quan CTTMGV Tỉnh ủy,
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các sở, ban, ngành,
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Tỉnh ủy, UBND tỉnh,
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- VPTU: CVP, PCVP, các phòng chuyên môn,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

U Huấn